

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Số: 260/2020/QĐST- VHNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1009/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trương Đức A, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Xã N, huyện X, tỉnh Y.

Địa chỉ hiện nay: 165/15/5 Đô G, phường H, thành phố Z, tỉnh M

2. Chị Trần Bích B sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: 100/1 Bình C, phường H, thành phố Z, tỉnh M

Địa chỉ hiện nay: 165/15/5 Đô G, phường H, thành phố Z, tỉnh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Trương Đức A và chị Trần Bích B đang thực tế sinh sống tại thành phố Z nên yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn của anh A và chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Z theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Trương Đức A và chị Trần Bích B thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Đức A và chị Trần Bích B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Đức A và chị Trần Bích B có hai con chung tên Trương Thiên Q, sinh ngày 13-5-2013 và Trương Thiên V, sinh ngày 27-5-2016. Theo nguyện vọng của con, anh A và chị B thỏa thuận giao cháu Trương Thiên Q và cháu Trương Thiên V cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Trần Bích B không yêu cầu anh Trương Đức A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trương Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung : Anh Trương Đức A và chị Trần Bích B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về Lệ phí Tòa án: Anh Trương Đức A và chị Trần Bích B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Anh A đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai

thu số 0007184 và chị Vân đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007183 cùng ngày 6-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh M. Anh A, chị B đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND phường 8; Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lương